



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001786

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**

Mã học phần: **CHE00001**

Lớp: **22VLH1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	1621093	Lê Thị Thu	Uyên					2	0	Hai không	
2	1721005	Huỳnh Minh	Anh								
3	18150303	Lương Hoài	Thi								
4	18230010	Trang Tuyết	Nghi					6	5	Sáu năm	
5	19130242	Lợi Thiên	Tri					1	3	Một ba	
6	19170036	Phương Hoàng Ngân	Giang								
7	19180178	Bá Đồng Thiên	Vương					1	0	Một không	
8	20120093	Nguyễn Thị Hồng	Nhung					8	8	Bốn tám	
9	20130062	Nguyễn Lê Phương	Anh					1	5	Một năm	
10	20130080	Trần Khải	Hoàn					1	8	Một tám	
11	20130108	Nguyễn Minh	Nhật					4	5	Bốn năm	
12	20130116	Trần Hoàng	Phúc					5	5	Năm năm	
13	20130127	Nguyễn Thị Anh	Thư					5	5	Năm năm	
14	20130128	Nguyễn Trần Anh	Thư					4	0	Bốn không	
15	20130149	Hồ Ngọc Thúy	Vy					2	8	Hai tám	
16	20130150	Lê Trần Yến	Vy					2	5	Hai năm	
17	20130151	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy					2	8	Hai tám	
18	20140322	Nguyễn Đình Hiếu	Nhân								
19	20150261	Trần Thu	Thanh					5	5	Năm năm	
20	20170033	Trần Quốc	Bào					0	5	Không năm	
21	20170043	Huỳnh Hồng	Duyên					2	3	Hai ba	
22	20170050	Nguyễn Tấn	Hung					3	3	Ba ba	
23	20230011	Từ Đồng	Thuận					4	0	Bốn không	
24	20250063	Trần Thị	Ỡ					7	5	Sảy năm	
25	21130110	Trương Thị Băng	Băng					4	5	Bốn không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Hồ Ngọc Thúy</u> Chữ ký: <u>ST</u> 2) <u>Nguyễn Ngọc Thanh</u> Chữ ký: <u>N</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Đình Hiếu</u> Chữ ký: <u>Nguyễn Đình Hiếu</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001787

Giữa kỳ

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**

Mã học phần: **CHE00001**

Lớp: **22VLH1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21130142	Trần Khánh	Duy					1	8	Một lần	
27	21130189	Lê Thị Phương	Lan					3	8	ba lần	
28	21130193	Trương Khánh	Linh					4	8	Bốn lần	
29	21250058	Lê Đặng Quỳnh	Giang					4	0	Bốn mươi	
30	21250079	Huỳnh Ngọc	Lập					2	8	Hai lần	
31	22120110	Đặng Minh	Hoàng					9	3	chín ba	
32	22120112	Nguyễn Ngọc	Hoàng					9	3	chín ba	
33	22120115	Đỗ Thái	Học					8	0	Tám mươi	
34	22120159	Phạm Gia	Khiêm					7	3	Bảy ba	
35	22120171	Lê Văn Tuấn	Kiệt					7	5	Bảy năm	
36	22120179	Võ Hà	Lam					8	0	Tám mươi	
37	22120312	Nguyễn Ngọc	Sơn					7	0	Sảy mươi	
38	22130002	Nguyễn Trần Khánh	An					3	0	Ba mươi	
39	22130003	Ngô Gia	Ân					3	0	Ba mươi	
40	22130006	Phạm Vũ Minh	Anh					2	5	Hai năm	
41	22130007	Phan Quốc Việt	Anh					3	8	Ba lần	
42	22130008	Trần Ngọc	Anh					3	0	Ba mươi	
43	22130009	Trần Nguyễn Quang	Anh					1	8	Một lần	
44	22130010	Trịnh Đức	Anh					2	3	Hai ba	
45	22130011	Võ Hoàng	Anh					4	8	Bốn lần	
46	22130013	Vũ Tuấn	Anh					5	0	Năm mươi	
47	22130014	Ngô Trần Ngọc	Ánh					2	3	Hai ba	
48	22130015	Lâm Tùng	Bách					0	0	Không có	
49	22130017	Hà Gia	Bảo					3	3	ba ba	
50	22130018	Lê Trần Gia	Bảo								

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001788

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**

Mã học phần: **CHE00001**

Lớp: **22VLH1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Tháp phần		
51	22130020	Nguyễn Hồ Thái	Bảo		<i>Nguyễn Hồ Thái</i>	☐		2	5	Hai năm	
52	22130022	Trần Đại Gia	Bảo			☒					
53	22130023	Trần Thị Thanh	Bình		<i>Trần Thị Thanh</i>	☐		4	5	Bốn năm	
54	22130024	Hồ Mỹ Thu	Chi		<i>Hồ Mỹ Thu</i>	☐		2	0	Hai không	
55	22130025	Phạm Thị	Chúc		<i>Phạm Thị</i>	☐		4	3	Bốn ba	
56	22130029	Nguyễn Hải	Đăng		<i>Nguyễn Hải</i>	☐		9	8	Chín tám	
57	22130030	Nguyễn Hoài	Danh		<i>Nguyễn Hoài</i>	☐		3	3	Ba ba	
58	22130032	Nguyễn Quốc	Đạt		<i>Nguyễn Quốc</i>	☐		0	5	Không năm	
59	22130033	Dương Khánh	Diễn		<i>Dương Khánh</i>	☐		2	5	Hai năm	
60	22130035	Trần Thái Trọng	Đức		<i>Trần Thái Trọng</i>	☐		2	5	Hai năm	
61	22130037	Vũ Việt	Dũng		<i>Vũ Việt</i>	☐		2	3	Hai ba	
62	22130038	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương		<i>Nguyễn Ngọc Thùy</i>	☐		2	5	Hai năm	
63	22130039	Nguyễn Thái	Dương		<i>Nguyễn Thái</i>	☐		5	8	Năm tám	
64	22130044	Nguyễn Thùy	Giang		<i>Nguyễn Thùy</i>	☐		3	0	Ba không	
65	22130045	Phan Lam	Giang		<i>Phan Lam</i>	☐		4	5	Bốn năm	
66	22130046	Phạm Nguyễn Thanh	Giàu		<i>Phạm Nguyễn Thanh</i>	☐		5	5	Năm năm	
67	22130047	Phạm Việt	Hải			☒					
68	22130048	Trần Gia	Hân		<i>Trần Gia</i>	☐		3	8	Ba tám	
69	22130052	Võ Ngọc	Hiếu		<i>Võ Ngọc</i>	☐		5	5	Năm năm	
70	22130056	Vũ Ngọc Diễm	Hồng			☒					
71	22130057	Lê Thanh	Hùng		<i>Lê Thanh</i>	☐		1	5	Một năm	
72	22130058	Kiều Việt	Hung			☒					
73	22130059	Phan Đức	Hung			☒					
74	22130060	Trần Khải	Hung		<i>Trần Khải</i>	☐		3	0	Ba không	
75	22130061	Du Mỹ	Hương		<i>Du Mỹ</i>	☐		1	3	Một ba	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Văn Đức</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>Ngô Hoàng Phương Dung</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Văn Đức</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001789

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**

Mã học phần: **CHE00001**

Lớp: **22VLH1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	22130062	Nguyễn Trần Quỳnh	Hương					3	5	Ba năm	
2	22130063	Bùi Gia	Huy					6	8	Sáu tám	
3	22130064	Đinh Việt	Huy					0	5	không năm	
4	22130066	Hồ Quốc	Huy								
5	22130067	Hồng Quang	Huy					4	0	Bốn không	
6	22130071	Trần Quang	Huy					6	3	Sáu ba	
7	22130073	Trần Đức	Khải					1	5	Một năm	
8	22130075	Lê Duy	Khang					3	5	Ba năm	
9	22130076	Nguyễn Đăng Duy	Khang								
10	22130077	Nguyễn Văn	Khang					3	8	Ba tám	
11	22130078	Trần Duy	Khang					2	5	Hai năm	
12	22130079	Huỳnh Lê Duy	Khánh					3	8	Ba tám	
13	22130081	Phạm Anh	Khoa					5	0	Năm không	
14	22130082	Nguyễn Lê Minh	Khôi					3	5	Ba năm	
15	22130083	Nguyễn Duy An	Khương								
16	22130085	Phạm Tuấn	Kiệt								
17	22130087	Nguyễn Kim Trúc	Linh					5	5	Năm năm	
18	22130089	Nguyễn Thị Thanh	Loan					2	5	Hai năm	
19	22130090	Lê Dương	Lộc					2	8	Hai tám	
20	22130091	Phạm Thị Xuân	Lộc								
21	22130093	Tô Trần Hoàng	Long					1	5	Một năm	
22	22130094	Trần Đức	Long					5	5		
23	22130096	Trần Đức	Lương					5	5	Năm năm	
24	22130098	Đinh Nhật	Lý					1	0	Một không	
25	22130099	Huỳnh Ngọc	Mẫn					4	3	Bốn ba	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)..... 2).....	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001790

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**

Mã học phần: **CHE00001**

Lớp: **22VLH1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	22130100	Nguyễn Minh	Mẫn		<i>Minh</i>	☐		6	3	Bau ba	
27	22130101	Đinh Phúc	Minh		<i>Đ</i>	☐		1	3	Net ba	
28	22130102	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh		<i>Minh</i>	☐		2	3	Hai ba	
29	22130105	Lương Ái	My		<i>My</i>	☐		4	3	Loi ba	
30	22130106	Phạm Ngọc	My		<i>Phạm</i>	☐		3	0	Ba Hong	
31	22130108	Lý Nguyễn Mạnh Hoàn	Mỹ		<i>Mỹ</i>	☐		4	0	Bon ba	
32	22130109	Dương Trần Linh	Nga		<i>Nga</i>	☐		2	8	Hai tam	
33	22130110	Đặng Phạm Kim	Ngân		<i>Phạm</i>	☐		4	8	Bon tam	
34	22130112	Nguyễn Lê Hải	Ngân		<i>Ngân</i>	☐		5	0	Hai Hong	
35	22130113	Võ Lê Phương	Nghi		<i>N</i>	☐		4	0	Bon Hong	
36	22130114	Lý Chính	Nghĩa		<i>Chính</i>	☐		2	0	Hai Hong	
37	22130116	Huỳnh Mỹ	Ngọc		<i>Huỳnh</i>	☐		2	8	Hai tam	
38	22130122	Lê Quốc	Nguyên		<i>Quốc</i>	☐		2	3	Hai ba	
39	22130127	Dương Trần Chí	Nhân		<i>Nhân</i>	☐		7	5	Bay nam	
40	22130130	Mai Nguyễn Phương	Nhi		<i>Mai</i>	☐		7	3	Bay ba	
41	22130134	Lâm Tâm	Như		<i>Lâm</i>	☐		4	8	Bon tam	
42	22130143	Võ Minh	Phước		<i>Phước</i>	☐		9	3	Choi ba	
43	22130144	Trần Hoài	Phương		<i>Trần</i>	☐		6	3	Sau ba	
44	22130150	Nguyễn Đình	Quyên		<i>Đình</i>	☐		4	3	Bon ba	
45	22130153	Quách Thiệu	Sâm		<i>Sâm</i>	☐		5	8	Hai tam	
46	22130165	Nguyễn Văn Long	Thành		<i>Long</i>	☐		9	8	Choi tam	
47	22130167	Thân	Thành		<i>Thân</i>	☐		7	0	Bay Hong	
48	22130168	Vòng Vĩnh	Thành		<i>Vòng</i>	☐		3	5	Ba nam	
49	22130183	Lê Đức	Tiến		<i>Đức</i>	☐		0	0	Không	
50	22130190	Phan Chánh	Tính		<i>Phan</i>	☐		5	5	Hai nam	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Chí Kiên</i> 1) <i>Nguyễn Chí Kiên</i>Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i> 2) <i>Lê Nguyễn Tiến</i>Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: <i>Quách Chí Kiên Đình</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001791

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**

Mã học phần: **CHE00001**

Lớp: **22VLH1**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	22130193	Trần Thị Ngọc	Trâm			☒		3	0	Ba không	
52	22130216	Ao Dương	Vĩ			☒		2	5	Hai năm	
53						☐					
54						☐					
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	Chữ ký:	Chữ ký:
2) Lê Ng. Hoa Tiến		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001175

Tên học phần: **Động học điện hóa**Mã học phần: **CHE10203**Lớp: **1**Ngày thi: **05/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phân		
1	19140358	Phạm Thị Bảo	Hân				7	0		bảy không	
2	19140360	Lê	Hằng				5	3		năm ba	
3	19140418	Ngô Thị	Kỳ				8	0		tám không	
4	19140542	Trần Quân	Sự				9	3		chín ba	
5	19140601	Phạm Minh	Triết				6	8		sáu tám	
6	19140638	Dương Thảo	Vy				8	5		tám năm	
7	20140016	Trịnh Như	Bảo				9	3		chín ba	
8	20140025	Phạm Vũ	Huỳnh				9	5		chín năm	
9	20140026	Đỗ Hoàng Ngọc	Khánh				1	0	0	một	
10	20140032	Đỗ Ngọc Thanh	Mai				7	8		bảy tám	
11	20140072	Nguyễn Huỳnh Kim	Anh				9	3		chín ba	
12	20140074	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh				7	5		bảy năm	
13	20140078	Trần Thành	Danh								
14	20140082	Bùi Đình Khánh	Duy				8	8		tám tám	
15	20140089	Đỗ Mỹ	Hằng				9	3		chín ba	
16	20140094	Vũ Thị	Hậu				9	8		chín tám	
17	20140132	Nguyễn Thị Hồng	Ngân				8	8		tám tám	
18	20140144	Bùi Thị Quỳnh	Như				8	0		tám không	
19	20140174	Nguyễn Chí	Thiện				9	0		chín không	
20	20140215	Nguyễn Ngọc	Anh				9	3		chín ba	
21	20140244	Mạc Công	Dũng				7	5		bảy năm	
22	20140246	Lê Thị Thảo	Duy				8	0		tám không	
23	20140251	Võ Thị Hồng	Gấm				8	5		tám năm	
24	20140253	Trương Hoàng	Giang				9	0		chín không	
25	20140290	Lê Tuấn	Kiệt				8	8		tám tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001176

Giữa kỳ

Tên học phần: **Động học điện hóa**

Mã học phần: **CHE10203**

Lớp: **1**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	20140295	Đặng Thị Hồng	Loan				9	5		chín năm	
27	20140303	Vũ Quang	Mẫn				8	8		tám tám	
28	20140307	Phạm Hải	Nam				9	3		chín ba	
29	20140312	Lê Thị Thúy	Ngân				7	0		bảy không	
30	20140327	Ngô Nguyệt	Nhi				8	5		tám năm	
31	20140328	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi				6	5		sáu năm	
32	20140335	Huỳnh	Như				7	0		bảy không	
33	20140339	Nguyễn Thị Kiều	Oanh				9	0		chín không	
34	20140346	Bùi Ngọc Yến	Phụng				8	3		tám ba	
35	20140359	Nguyễn Thị Kim	Quyên				7	5		bảy năm	
36	20140360	Nguyễn Văn	Quyên				9	3		chín ba	
37	20140361	Dương Ngọc	Quỳnh				7	5		bảy năm	
38	20140362	Huỳnh Như	Quỳnh				8	3		tám ba	
39	20140366	Phạm Xuân	Tài				9	5		chín năm	
40	20140368	Huỳnh Ngô Nhật	Tân				8	5		tám năm	
41	20140378	Lê Thị Ngọc	Thào				9	8		chín tám	
42	20140380	Trần Xuân	Thào				7	3		bảy ba	
43	20140383	Bùi Đắc Trường	Thịnh				9	0		chín không	
44	20140388	Nguyễn Phúc	Thọ				9	8		chín tám	
45	20140389	Hồ Thụy Kim	Thoa				9	3		chín ba	
46	20140394	Lê Minh	Thư				9	5		chín năm	
47	20140402	Phạm Lê Thanh	Thúy				8	8		tám tám	
48	20140408	Trần Trọng	Tính				8	8		tám tám	
49	20140412	Diệp Bảo	Trần				8	5		tám năm	
50	20140416	Nguyễn Thị Thùy	Trang				8	0		tám không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Ngô Duy Goc</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Trần Văn Mạnh</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001177

Tên học phần: **Động học điện hóa**

Mã học phần: **CHE10203**

Lớp: **1**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	20140424	Đỗ Thị Cẩm	Tú		<i>Cẩm Tú</i>	☐		7	3	bảy ba	
52	20140428	Quách Thị Ngọc	Tươi		<i>Thúy</i>	☐		9	0	chín không	
53	20140433	Đào Ngọc	Uyên		<i>Ngọc</i>	☐		8	3	tám ba	
54	20140438	Đặng Phương	Vi		<i>Đặng</i>	☐		7	0	bảy không	
55	20140441	Phạm Tuấn	Vũ		<i>Phạm</i>	☐		9	0	chín không	
56	20140443	Lê Thị Thúy	Vy		<i>Thúy</i>	☐		8	8	tám tám	
57	20140445	Nguyễn Thị Tường	Vy		<i>Nguyễn</i>	☐		7	8	bảy tám	
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Ngô Thị Thiên Trang</i> Chữ ký: <i>NTT</i> 2) <i>Ngô Duy Lộc</i> Chữ ký: <i>NĐL</i>	Họ, tên: <i>Trần Văn Nhân</i> Chữ ký: <i>TVN</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002061

Tên học phần: **Hoá học nước thải - Kỹ thuật xử lý nước**

Mã học phần: **CHE10328**

Lớp: **1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	1714302	Hà Bảo	Ngọc							/	
2	19140297	Nguyễn Hải	Ấu	1			6	0		Sáu không	
3	19140311	Phan Thị Ngọc	Cầm	1			5	2		Năm hai	
4	19140375	Ôn Gia Khải	Hoàn	1			5	7		Năm bảy	
5	19140392	Võ Đức	Huy	1			7	4		Bảy bốn	
6	19140420	Uông Diệp	Lâm				8	3		Tám ba	
7	19140506	Trần Dương	Nhật				9	0		Chín không	
8	19140562	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	1			4	6		Bốn Sáu	
9	19140619	Nguyễn Anh	Tuấn	1			5	2		Năm hai	
10	19140626	Hoàng Tú	Uyên	1			7	0		Bảy không	
11	19140650	Nguyễn Thị Yên	Yên	1			7	2		Bảy hai	
12	20140034	Phạm Thị Tiểu	My	1			7	5		Bảy năm	
13	20140075	Phạm Thị Ngọc	Ánh	1			8	1		Tám một	
14	20140113	Nguyễn Văn	Lâm				7	2		Bảy hai	
15	20140188	Trần Thị Hương	Trà	1			7	1		Bảy một	
16	20140192	Đỗ Thị Ngọc	Trình				8	1		Tám một	
17	20140214	Mai Thị Lan	Anh				7	8		Bảy tám	
18	20140233	Nguyễn Thế Quốc	Chung				7	6		Bảy sáu	
19	20140242	Vũ Nguyễn Minh	Đức				5	9		Năm chín	
20	20140255	Lâm Chí	Hải				6	5		Sáu năm	
21	20140275	Phạm Chấn	Hung				6	9		Sáu chín	
22	20140276	Hồ Nguyễn	Hương				7	1		Bảy một	
23	20140277	Dương Gia	Huy							/	
24	20140280	Vũ Quang	Huy				7	5		Bảy năm	
25	20140283	Nguyễn Duy	Khánh				8	8		Tám tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) ...Chữ ký:	Họ, tên: ...Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002062

Tên học phần: **Hóa học nước thải - Kỹ thuật xử lý nước**Mã học phần: **CHE10328**Lớp: **1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P Thập phân		
26	20140287	Phạm Nguyễn Đăng	Khoa	01	<i>Phạm</i>	☐		8	1	tám một	
27	20140308	Đặng Thị Thanh	Ngân	01	<i>Đặng</i>	☐		6	8	sáu tám	
28	20140334	Vũ Hạnh	Nhi	01	<i>2</i>	☐		3	5	ba năm	
29	20140356	Trần Nhật	Quang	01	<i>Trần</i>	☐		6	9	sáu chín	
30	20140373	Đỗ Vũ Mạnh	Thành	01	<i>Đỗ</i>	☐		6	3	sáu ba	
31	20140382	Dương Văn	Thiện	01	<i>Mu</i>	☐		6	4	sáu bốn	
32	20140392	Nguyễn Minh	Thông	1	<i>Nguyễn</i>	☐		5	1	năm một	
33	20140422	Nguyễn Thị Mai	Trúc	01	<i>Trúc</i>	☐		6	9	sáu chín	
34	20140423	Lê Đức	Trung	01	<i>Trung</i>	☐		6	6	sáu sáu	
35	20140434	Nguyễn Ngọc Tố	Uyên	01	<i>Ng</i>	☐		6	0	sáu không	
36	20140446	Phan Tường	Vy	01	<i>Phan</i>	☐		6	3	sáu ba	
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thị Huyền Mai.....Chữ ký: <i>Hma</i> 2) Tường Thị Tố Anh.....Chữ ký:	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Thanh</i> Chữ ký: <i>Cánh</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001396

Tên học phần: **Cơ sở khoa học chất rắn**

Mã học phần: MSC10004

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phân		
1	21190100	Nguyễn Trần Cẩm	Ly					6	5	Sáu Năm	
2	21190101	Hoàng Thụy Xuân	Mai					8	0	Tám Không	
3	21190102	Lê Hải	Minh					8	5	Tám Năm	
4	21190103	Tổng Thị Nguyệt	Minh					7	0	Bảy Không	
5	21190105	Đoàn Thị Kim	Ngân					9	5	Chín Năm	
6	21190107	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	Ngân					7	5	Bảy Năm	
7	21190108	Thanh Thị Kim	Ngân					8	0	Tám Không	
8	21190109	Bùi Đức	Nghi					7	0	Bảy Không	
9	21190114	Nguyễn Thành	Nhân					5	5	Năm Năm	
10	21190115	Đào Lưu Trung	Nhật					3	5	Ba Năm	
11	21190117	Huỳnh Nguyễn Đan	Nhi					6	0	Sáu Không	
12	21190118	Lê Thị Yến	Nhi					6	5	Sáu Năm	
13	21190119	Lê Võ Yến	Nhi					7	0	Bảy Không	
14	21190120	Nguyễn Thanh	Nhi					7	5	Bảy Năm	
15	21190121	Trương Ngọc	Nhi					6	0	Sáu Không	
16	21190122	Ngô Thị Huỳnh	Như					6	0	Sáu Không	
17	21190123	Trần Thị Hồng	Nhung					5	5	Năm Năm	
18	21190124	Huỳnh Minh	Phát					7	0	Bảy Không	
19	21190125	Nguyễn Văn Tấn	Phát					5	0	Năm Không	
20	21190127	Nguyễn Tuấn	Phong				1	0	0	Mười	
21	21190128	Châu Diệc	Phú					6	5	Sáu Năm	
22	21190129	Nguyễn Thái	Phúc					4	5	Bốn Năm	
23	21190130	Trương Thị Mỹ	Phúc					9	0	Chín Không	
24	21190131	Nguyễn Hoàng Minh	Phương					8	5	Tám Năm	
25	21190134	Trần Thiện	Quang					8	0	Tám Không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	Chữ ký:	Chữ ký:
2)		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001397

Tên học phần: **Cơ sở khoa học chất rắn**Mã học phần: **MSC10004**Lớp: **21KVL**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	21190135	Trần Hoàng Minh	Quy		<i>Quy</i>	☐	1	0	0	Mười	
27	21190136	Trần Mỹ	Quy		<i>Quy</i>	☐		5	5	Năm Năm	
28	21190138	Nguyễn Thành	Tài		<i>Tài</i>	☐		5	0	Năm Không	
29	21190140	Lê Thanh	Tam		<i>Tam</i>	☐		9	5	Chín Năm	
30	21190141	Lê Mỹ	Tâm		<i>Tâm</i>	☐		5	0	Năm Không	
31	21190142	Đặng Duy	Thạch		<i>Thạch</i>	☐		8	0	Tám Không	
32	21190143	Trần Đăng	Thái		<i>Thái</i>	☐		5	5	Năm Năm	
33	21190144	Dương Huỳnh Chí	Thành		<i>Thành</i>	☐		6	0	Sáu Không	
34	21190145	Lương Quốc	Thiện		<i>Thiện</i>	☐		6	5	Sáu Năm	
35	21190146	Hồ Phong Hoàng	Thịnh		<i>Thịnh</i>	☐		7	0	Bảy Không	
36	21190147	Nguyễn Thị Kim	Thoa		<i>Thoa</i>	☐		7	0	Bảy Không	
37	21190149	Nguyễn Văn	Thuận		<i>Thuận</i>	☐		8	0	Tám Không	
38	21190150	Nguyễn Vũ Minh	Thúy		<i>Thúy</i>	☐		7	0	Bảy Không	
39	21190151	Hồ Hoàng	Thy		<i>Thy</i>	☐		5	0	Năm Không	
40	21190155	Nguyễn Bảo	Trần		<i>Trần</i>	☐		8	5	Tám Năm	
41	21190156	Đặng Minh	Trí		<i>Trí</i>	☐		7	0	Bảy Không	
42	21190157	Nguyễn Nhật	Triều		<i>Triều</i>	☐		7	0	Bảy Không	
43	21190159	Nguyễn Viết	Trung			☒					
44	21190160	Phạm Nguyễn Tín	Trung		<i>Trung</i>	☐		6	5	Sáu Năm	
45	21190161	Nguyễn Thị Cẩm	Tú		<i>Tú</i>	☐		7	0	Bảy Không	
46	21190162	Nguyễn Văn	Tuấn		<i>Tuấn</i>	☐		7	5	Bảy Năm	
47	21190164	Phạm Thị Tường	Vân		<i>Vân</i>	☐		7	5	Bảy Năm	
48	21190165	Đào Quốc	Việt		<i>Việt</i>	☐		7	0	Bảy Không	
49	21190166	Phan Nguyễn Tiến	Vũ		<i>Vũ</i>	☐		6	5	Sáu Năm	
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Ngọc Hiến</i> Chữ ký: <i>NH</i> 2) <i>Lê Thị Thu Nga</i> Chữ ký: <i>LT</i>	Họ, tên: <i>Hoàng Văn Dũng</i> Chữ ký: <i>HVD</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001395

Tên học phần: **Cơ sở khoa học chất rắn**

Mã học phần: **MSC10004**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21190062	Lâm Nữ Phi	Duyên			☐	6	0		Sau Không	
27	21190063	Lâm Thanh	Giàu			☐	6	5		Sau Nam	
28	21190064	Trà Phạm Thanh	Hải			☐	7	0		Bây Không	
29	21190067	Lưu Văn	Hào			☐	8	0		Tam Không	
30	21190068	Đặng Minh	Hiếu			☐	6	0		Sau Không	
31	21190070	Nguyễn Đức	Hiếu			☒					
32	21190071	Phạm Thanh	Hoa			☐	9	0		chín Không	
33	21190073	Nguyễn Công	Hưng			☐	5	5		Năm Năm	
34	21190074	Hoàng Văn	Huy			☐	9	0		chín Không	
35	21190075	Nguyễn Anh	Huy			☐	5	5		Năm Năm	
36	21190078	Nguyễn Quốc	Huy			☐	9	5		chín Năm	
37	21190080	Phạm Lê Nhật	Huy			☒					
38	21190081	Vũ Quốc	Huy			☐	5	5		Năm Năm	
39	21190083	Lê Thị Khánh	Huyền			☐	6	5		Sau Năm	
40	21190085	Hồ Lê Anh	Kha			☐	5	5		Năm Năm	
41	21190086	Trần Quang	Khánh			☐	5	5		Năm Năm	
42	21190087	Trần Minh	Khôi			☐	6	0		Sau Không	
43	21190088	Lê Tấn	Khương			☐	6	5		Sau Năm	
44	21190091	Trần Tuấn	Kiệt			☐	6	0		Sau Không	
45	21190092	Trần Văn	Lâm			☐	4	5		Bốn Năm	
46	21190093	Lê Văn	Lên			☐	5	0		Năm Không	
47	21190094	Lê Văn	Linh			☐	7	5		Bảy Năm	
48	21190096	Thành Nữ Thùy	Linh			☐	4	0		Bốn Không	
49	21190098	Lê Tấn	Lộc			☐	7	0		Bảy Không	
50	21190099	Lê Thị Ngọc	Ly			☐	7	0		Bảy Không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001394

Tên học phần: **Cơ sở khoa học chất rắn**Mã học phần: **MSC10004**Lớp: **21KVL**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19190186	Lê Nguyễn Phúc	Khiêm			☐		5	5	Năm Năm	
2	19190238	Nguyễn Tân	Thịnh			☐		5	0	Năm Không	
3	20190045	Nguyễn Huỳnh	Giang			☐		4	0	Bốn Không	
4	21190007	Đình Quang	Đức			☐		5	5	Năm Năm	
5	21190008	Nguyễn Việt	Dũng			☐		8	5	Tám Năm	
6	21190018	Tạ Quang	Huy			☐		4	5	Bốn Năm	
7	21190021	Võ Thành	Long			☐		6	0	Sáu Không	
8	21190028	Cao Đăng	Nhân			☐		4	5	Bốn Năm	
9	21190031	Trần Anh	Quang			☐		9	0	Chín Không	
10	21190038	Trần Đình	Tiến			☐		6	5	Sáu Năm	
11	21190039	Huỳnh Minh	Tuấn			☐		6	0	Sáu Không	
12	21190043	Thạch Thị Sóc Sô	Phia			☐		6	0	Sáu Không	
13	21190044	Trần Nhật	Nam			☐		5	5	Năm Năm	
14	21190045	Hà Nguyễn Nhất	Tâm			☐	1	0	0	Mười	
15	21190049	Phạm Thanh Hoàng	Anh			☐		5	0	Năm Không	
16	21190050	Tạ Tuấn	Anh			☐		5	0	Năm Không	
17	21190051	Trần Thúy	Anh			☐		7	0	Bảy Không	
18	21190052	Võ Minh	Anh			☐		5	5	Năm Năm	
19	21190055	Võ Ngọc	Có			☐		4	0	Bốn Không	
20	21190056	Ngô Thị Ngân	Đài			☐		7	5	Bảy Năm	
21	21190057	Bùi Tấn	Đạt			☐	1	0	0	Mười	
22	21190058	Nguyễn Tùng	Dương			☐		6	0	Sáu Không	
23	21190059	Huỳnh Khánh	Duy			☐		5	5	Năm Năm	
24	21190060	Trần Anh	Duy			☐		6	0	Sáu Không	
25	21190061	Trần Nhật	Duy			☐	1	0	0	Mười	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001725

Tên học phần: Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp

Mã học phần: MSC10006

Lớp: 21CVL

Ngày thi: 27/04/2023

Giờ thi: 07g45

Phòng thi: E105

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phân		
1	1619064	Võ Duy	Hiên			☐	2	5			
2	1719102	Phạm Ngô Thùy	Linh			☐	4				
3	20190006	H' Úc Niê	Kdâm			☐	4	5			
4	20190023	Hồ Thị Mỹ	Tiên			☐	3	5			
5	20190034	Phạm Hoàng Phương	Anh			☐	7	5			
6	20190052	Lê Gia	Hưng			☐	3	5			
7	21250002	Nguyễn Thị Ngọc	Phương			☐	3				
8	21250011	Hồ Minh	Hưng			☒					
9	21250012	Lê Thanh	Huy			☐	3				
10	21250015	Hồng Minh	Khoa			☐	8	5			
11	21250031	Lê Trần Anh	Thông			☐	4				
12	21250040	Lê Ngọc	Tú			☒					
13	21250042	Bùi Tuấn	Anh			☐	5				
14	21250044	Lê Hoàng Tuấn	Anh			☐	4				
15	21250045	Nguyễn Thị Kiều	Anh			☐	6				
16	21250046	Võ Thị Kim	Anh			☐	3				
17	21250047	Lê Tiểu	Bảo			☐	4	5			
18	21250048	Bùi Trần Thế	Bảo			☐	4				
19	21250049	Trần Trung	Cang			☐	4				
20	21250050	Văn Huỳnh	Chí			☐	6				
21	21250051	Trương Văn	Danh			☐	7	5			
22	21250052	Trần Anh	Điền			☐	2	5			
23	21250053	Nguyễn Thành	Đôn			☐	3	5			
24	21250054	Nguyễn Minh	Đức			☐	4				
25	21250055	Lê Đức	Dũng			☐	3				

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nhiệm Văn Tuấn</u> 1) <u>Đoàn Thị Thu Trang</u> 2) <u>Đoàn Thị Thu Trang</u>	Họ, tên: <u>Trần Công Khanh</u> Chữ ký: <u>Chữ ký</u>	Họ, tên: <u>Trần Công Khanh</u> Chữ ký: <u>Chữ ký</u>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001726

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp**Mã học phần: **MSC10006**Lớp: **21CVL**Ngày thi: **27/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V à n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21250056	Nguyễn Trọng	Duy					5			
27	21250057	Lưu Thị Bích	Duyên					4	5		
28	21250058	Lê Đặng Quỳnh	Giang					6			
29	21250059	Bùi Nhật	Hà					4	5		
30	21250060	Lê Hải	Hà					2	5		
31	21250063	Nguyễn Thị Thu	Hiền					4	5		
32	21250064	Trần Đức	Hiếu					4	5		
33	21250066	Nguyễn Thị Xuân	Hoa					3	5		
34	21250067	Nguyễn Văn Khải	Hoàn					2	5		
35	21250068	Nguyễn Lê Trí Phụng	Hoàng					4			
36	21250070	Nguyễn Quốc	Huy					7	5		
37	21250071	Trương Gia	Khang					4			
38	21250072	Phùng Thị Hồng	Khanh					3	5		
39	21250073	Nguyễn Như Anh	Khoa					6			
40	21250074	Lê Nhật Quang	Khôi					4	5		
41	21250076	Nguyễn Tuấn	Kiệt					2	5		
42	21250077	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều					8	5		
43											
44											
45											
46											
47											
48											
49											
50											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	Chữ ký:	Chữ ký:
2)		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001727

Tên học phần: Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp

Mã học phần: MSC10006

Lớp: 21CVL

Ngày thi: 27/04/2023

Giờ thi: 07g45

Phòng thi: E106

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V à n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	21250078	Ngô Trương Nguyên	Lâm					4			
2	21250079	Huỳnh Ngọc	Lập					3			
3	21250081	Hồ Đức	Lộc					4			
4	21250083	Nguyễn Lê Đăng	Minh					2	5		
5	21250084	Vũ Thị Thảo	My					3	5		
6	21250086	Lê Tấn Hoàng	Nguyên					4			
7	21250087	Lê Thị Tuyết	Nhi					7	5		
8	21250088	Nguyễn Hồ Yến	Nhi					3			
9	21250090	Phạm Lâm	Như					8			
10	21250091	Tổng Quang Minh	Nhật					4			
11	21250092	Nguyễn Thành	Phát					4	5		
12	21250093	Phan Thanh	Phi					4	5		
13	21250095	Phạm Thiên	Phúc					2	5		
14	21250096	Trần Cẩm	Phúc					3	5		
15	21250097	Trần Thế	Quang								
16	21250098	Lê Trần	Quý					3			
17	21250100	Nguyễn Ngọc Mai	Quyên					4			
18	21250101	Nguyễn Trần Việt	Quỳnh					5	5		
19	21250102	Huỳnh Công	Thành					6	5		
20	21250104	Võ Thị	Thảo					4			
21	21250106	Lê Thị	Thành					3			
22	21250107	Lê Duy	Thịnh					.			
23	21250109	Hoàng Học	Thy					3	5		
24	21250110	Nguyễn Minh	Toàn					3	5		
25	21250111	Đặng Thị Huyền	Trần					2	5		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Trần Thị Thanh Bình... Chữ ký:	Họ, tên: Trần Công Khanh... Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Nguyễn Ngọc Tiến... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232001728

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp**

Mã học phần: MSC10006

Lớp: **21CVL**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	21250112	Trần Thanh	Trạng					4			
27	21250113	Viên Hiền	Triết					2			
28	21250116	Nguyễn Quốc	Trung					3			
29	21250117	Lê Anh	Tuấn					2			
30	21250118	Nguyễn Văn	Tuấn								
31	21250119	Trần Nguyên Anh	Tuấn					3			
32	21250120	Trần Thanh	Tùng					6			
33	21250121	Nguyễn Ngọc	Tuyến					3	5		
34	21250122	Triệu Huy	Văn					5			
35	21250123	Nguyễn Thành	Vinh					3	5		
36	21250124	Phan Hà Anh	Vũ					3			
37	21250125	Bùi Nguyễn Khương	Vy					7	5		
38	21250126	Nguyễn Thị Tường	Vy					4			
39	21250127	Lê Thanh	Xuân					5			
40	21250128	Lê Ngọc Thiên	Ý								
41	21250130	Nguyễn Thiên	Ý					4	5		
42	21250131	Nguyễn Thị Hồng	Gấm					2			
43											
44											
45											
46											
47											
48											
49											
50											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Ngọc Trâm</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Trần Công Khanh</u>	Họ, tên:
2) <u>Đào Thị Thanh</u> Chữ ký:	Chữ ký: <u>Chen</u>	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001729

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp**

Mã học phần: MSC10006

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1619037	Nguyễn Tấn	Duy			●					
2	1719016	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh			○	3	5		Ba năm	
3	1719031	Diệp Trần Hải	Đăng			○	7	0		Bảy	
4	1719048	Nguyễn Thị Mai	Ghi			○	3			Ba	
5	1719150	Trương Vĩ	Phong			○	6	5		Sáu năm	
6	1719166	Lê Văn	Sỹ			●					
7	1719171	Nguyễn Huỳnh Anh	Thái			○	9	0		Chín	
8	1719176	Phan Việt	Thắng			○	4	0		Bốn	
9	1719199	Võ Vũ Phương	Thúy			○	5	5		Năm năm	
10	18190007	Trần Nguyễn Nguyên	An			○	4	5		Bốn năm	
11	18190025	Trần Sử Đình	Bá			○	3	0		Ba	
12	18190026	Đặng Thiên	Bạch			○	6	0		Sáu	
13	18190049	Hồ Hoàng	Giang			○	7	5		Bảy năm	
14	18190062	Nguyễn Quang	Hùng			○	6	5		Sáu năm	
15	18190077	Trần Đăng	Khoa			○	4	5		Bốn năm	
16	18190129	Mai Kiên	Phúc			○	9	5		Chín năm	
17	18190135	Trương Nguyễn Nam	Phương			○	8	0		Tám	
18	18190143	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên			○	3	0		Ba	
19	18190148	Nguyễn Tiến	Tài			○	7	0		Bảy	
20	18190154	Hoàng Dương Ngọc	Thanh			○	5	5		Năm năm	
21	18190161	Lê Gia	Thịnh			○	4	5		Bốn năm	
22	18190183	Trần Ngọc Bảo	Trân			○	3	5		Ba năm	
23	19190066	Hồ Quảng	Luân			○	3	0		Ba	
24	19190072	Lê Hoàng	Minh			○	3	0		Ba	
25	19190077	Nguyễn Thị Trịnh	Nghi			○	6	5		Sáu năm	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	1) <u>Bùi Ngọc Ngọc</u>	Họ, tên:	<u>Đào Trần Anh Nguyễn</u>	Họ, tên:	
Chữ ký:	<u>[Chữ ký]</u>	Chữ ký:	<u>[Chữ ký]</u>	Chữ ký:	
Họ, tên:	2) <u>Phạm Hùng Cường</u>				
Chữ ký:	<u>[Chữ ký]</u>				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001730

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp**

Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	19190090	Hạ Phan Phương Hoàng	Oanh		<i>Cao</i>	☐		2	0	<i>Thi</i>	
27	19190115	Nguyễn Thanh	Thảo		<i>Đề</i>	☐		7	5	<i>Bảy năm</i>	
28	19190123	Lê Phạm Quốc	Toàn		<i>Tus</i>	☐		3	0	<i>Ba</i>	
29	19190126	Nguyễn Thị Việt	Trình		<i>Trình</i>	☐		5	0	<i>Năm</i>	
30	19190134	Lê Thị Thanh	Vân		<i>Tru</i>	☐		3	0	<i>Ba</i>	
31	19190136	Nguyễn Huỳnh	Vũ		<i>Nguyễn</i>	☐		3	0	<i>Ba</i>	
32	19190142	Trần Thị Thúy	Ái		<i>Thuy</i>	☐		3	0	<i>Ba</i>	
33	19190143	Đoàn Thị Khánh	An		<i>An</i>	☐		8	0	<i>Tám</i>	
34	19190150	Cao Thị Thanh	Bình		<i>Thi</i>	☐		2	0	<i>Hai</i>	
35	19190151	Huỳnh Ngọc	Công		<i>Công</i>	☐		5	0	<i>Năm</i>	
36	19190152	Nguyễn Thành	Công		<i>Công</i>	☐		5	5	<i>Năm năm</i>	
37	19190166	Đặng Quốc	Hào		<i>Quốc</i>	☐		6	5	<i>Sáu năm</i>	
38	19190171	Võ Thị Thanh	Hoài		<i>Hoài</i>	☐		6	0	<i>Sáu</i>	
39	19190175	Lại Lê	Hương		<i>Lê</i>	☐		6	0	<i>Sáu</i>	
40	19190183	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh		<i>Khanh</i>	☐		5	0	<i>Năm</i>	
41	19190186	Lê Nguyễn Phúc	Khiêm		<i>Phúc</i>	☐		3	0	<i>Ba</i>	
42	19190193	Nguyễn Tường	Linh		<i>Linh</i>	☐		5	5	<i>Năm năm</i>	
43	19190198	Lê Diệu Phương	Mai		<i>Mai</i>	☐		4	5	<i>Bốn năm</i>	
44	19190210	Trương Thị Bảo	Ngọc		<i>Bảo</i>	☐		3	5	<i>Ba năm</i>	
45	19190211	Đinh Thị Thu	Nguyễn		<i>Thu</i>	☐		6	0	<i>Sáu</i>	
46	19190229	Nguyễn Phương	Quỳnh		<i>Phương</i>	☐		4	5	<i>Bốn năm</i>	
47	19190234	Bùi Nguyễn Đức	Thắng		<i>Đức</i>	☐		3	5	<i>Ba năm</i>	
48	19190238	Nguyễn Tân	Thịnh		<i>Tân</i>	☐		2	5	<i>Hai năm</i>	
49	19190241	Trương Thương	Thương		<i>Thương</i>	☐		7	5	<i>Bảy năm</i>	
50	19190247	Nguyễn Cao	Tri		<i>Cao</i>	☐		9	0	<i>Chín</i>	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Phạm Huy Lâm</i> 1) <i>Phạm Huy Lâm</i> Chữ ký: <i>Phạm Huy Lâm</i> 2) <i>Phạm Huy Lâm</i> Chữ ký: <i>Phạm Huy Lâm</i>	Họ, tên: <i>Đào Văn Anh Nguyễn</i> Chữ ký: <i>Đào Văn Anh Nguyễn</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001731

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp**

Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
51	19190249	Dương Thị	Trúc		<i>Đức</i>	☐		7	5	<i>Bảy năm</i>	
52	20190001	Trịnh Hoàng	Long		<i>Thư</i>	☐	1	0	0	<i>Mười</i>	
53						☐					
54						☐					
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	<i>Bùi Minh Ngọc</i>	Họ, tên:	<i>Đào Thanh Anh Nguyễn</i>	Họ, tên:	
Chữ ký:	<i>Minh Ngọc</i>	Chữ ký:	<i>Thanh Anh</i>	Chữ ký:	
Họ, tên:	<i>Phạm Phú Lâm</i>	Họ, tên:		Họ, tên:	
Chữ ký:	<i>Phạm Phú Lâm</i>	Chữ ký:		Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001732

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp**

Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	20190019	Phạm Chí	Tài		<i>B</i>		6	5		Sáu năm	Sáu năm
2	20190025	Lê Thanh	Tuyền		<i>Tuyen</i>		5	0		Năm	
3	20190042	Quách Hữu	Duy		<i>Duy</i>		7	5		Bảy năm	
4	20190045	Nguyễn Huỳnh	Giang		<i>Giang</i>		3	0		Ba	
5	20190063	Đặng Thị Ai	Lê		<i>Ai</i>		3	5		Ba năm	
6	20190086	Lê Đức	Phúc		<i>Phuc</i>		3	5		Ba năm	
7	20190091	Nguyễn Minh	Quân		<i>Quyn</i>		7	0		Bảy	
8	20190095	Bạch Thanh	Sơn		<i>Son</i>		4	5		Bốn năm	
9	20190103	Nguyễn Hoàng	Thông		<i>Thong</i>		7	0		Bảy	
10	20190123	Trương Thủy	Vy		<i>Thuy</i>		6	5		Sáu năm	
11	20250028	Nguyễn Thanh	Hiền		<i>hien</i>		4	0		Bốn	
12	20250056	Lê Phước Minh	Trí								
13	21190008	Nguyễn Việt	Dũng		<i>Viet</i>		5	5		Năm năm	
14	21190018	Tạ Quang	Huy								
15	21190028	Cao Đăng	Nhân		<i>Nhan</i>		2	0		Hai	
16	21190031	Trần Anh	Quang		<i>Anh</i>		2	0		Hai	
17	21190038	Trần Đình	Tiến		<i>Tien</i>		3	5		Ba năm	
18	21190039	Huỳnh Minh	Tuấn		<i>Tuan</i>		4	5		Bốn năm	
19	21190043	Thạch Thị Sóc Sô	Phía		<i>Phia</i>		6	5		Sáu năm	
20	21190044	Trần Nhật	Nam		<i>Nam</i>		3	5		Ba năm	
21	21190045	Hà Nguyễn Nhất	Tâm		<i>Han</i>		9	5		Chín năm	
22	21190049	Phạm Thanh Hoàng	Anh		<i>Anh</i>		2	5		Hai năm	
23	21190050	Tạ Tuấn	Anh		<i>Anh</i>		7	0		Bảy	
24	21190051	Trần Thủy	Anh		<i>Thuy</i>		6	0		Sáu	
25	21190052	Võ Minh	Anh		<i>Anh</i>		5	0		Năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Văn Túy</i> Chữ ký: <i>Tuy</i>	Họ, tên: <i>Đặng Trần Anh Nguyệt</i> Chữ ký: <i>Anh</i>	Họ, tên: Chữ ký:
2) <i>Phạm Thị Hòa</i> Chữ ký: <i>Hoa</i>		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001733

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp**

Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21190055	Võ Ngọc	Có			☐		3	5	Ba năm	
27	21190056	Ngô Thị Ngân	Đài			☐		5	0	Năm	
28	21190057	Bùi Tấn	Đạt			☐		8	5	Tám năm	
29	21190058	Nguyễn Tùng	Dương			☐		3	0	Ba	
30	21190060	Trần Anh	Duy			☐		2	5	Hai năm	
31	21190061	Trần Nhật	Duy			☐		8	5	Tám năm	
32	21190062	Lâm Nữ Phi	Duyên			☐		3	5	Ba năm	
33	21190063	Lâm Thanh	Giàu			☐		5	0	Năm	
34	21190064	Trà Phạm Thanh	Hải			☐		3	5	Ba năm	
35	21190067	Lưu Văn	Hào			☐		3	5	Ba năm	
36	21190068	Đặng Minh	Hiếu			☒					
37	21190070	Nguyễn Đức	Hiếu			☒					
38	21190071	Phạm Thanh	Hoa			☐	1	0	0	Mười	
39	21190073	Nguyễn Công	Hưng			☐		4	5	Bốn năm	
40	21190074	Hoàng Văn	Huy			☐		5	0	Năm	
41	21190075	Nguyễn Anh	Huy			☐		3	0	Ba	
42	21190078	Nguyễn Quốc	Huy			☐		9	5	Chín năm	
43	21190080	Phạm Lê Nhật	Huy			☒					
44	21190083	Lê Thị Khánh	Huyền			☐		5	5	Năm năm	
45	21190086	Trần Quang	Khánh			☐		3	5	Ba năm	
46	21190087	Trần Minh	Khôi			☒					
47	21190088	Lê Tấn	Khuong			☐		4	5	Bốn năm	
48	21190091	Trần Tuấn	Kiệt			☐		4	5	Bốn năm	
49	21190092	Trần Văn	Lâm			☐		4	0	Bốn	
50	21190093	Lê Văn	Lên			☐		6	0	Sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Phạm Thị Hà</u> 1) <u>Phạm Thị Hà</u> Chữ ký: <u>Phạm Thị Hà</u> 2) <u>Nguyễn Văn Tùng</u> Chữ ký: <u>Nguyễn Văn Tùng</u>	Họ, tên: <u>Đào Trần Anh Nguyệt</u> Chữ ký: <u>Đào Trần Anh Nguyệt</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001734

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp**

Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P Thập phần		
51	21190094	Lê Văn	Linh		<i>Lh</i>	☐		2	5	<i>Hai năm</i>	
52	21190096	Thành Nữ Thùy	Linh		<i>Lh</i>	☐		6	0	<i>Sáu</i>	
53						☐					
54						☐					
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	Chữ ký: <i>Vu</i>	1) <i>Đào Trần Anh Nguyễn</i>	Chữ ký: <i>Đào</i>	Chữ ký:	
2) <i>Phạm Thị Hà</i>	Chữ ký: <i>Phạm</i>				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001735

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp**

Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	21190098	Lê Tấn	Lộc		<i>tanloc</i>	☐		4	5	Bốn năm	
2	21190099	Lê Thị Ngọc	Ly		<i>lyly</i>	☐		6	0	Sáu	
3	21190100	Nguyễn Trần Cẩm	Ly		<i>ly</i>	☐		3	0	Ba	
4	21190101	Hoàng Thụy Xuân	Mai		<i>huongmai</i>	☐		4	5	Bốn năm	
5	21190102	Lê Hải	Minh		<i>lehai</i>	☐		6	5	Sáu năm	
6	21190103	Tổng Thị Nguyệt	Minh		<i>tuongminh</i>	☐		8	0	Tám	
7	21190105	Đoàn Thị Kim	Ngân		<i>doan</i>	☐	1	0	0	Mười	
8	21190107	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	Ngân		<i>nguyen</i>	☐		9	0	Chín	
9	21190108	Thanh Thị Kim	Ngân		<i>thanh</i>	☐		7	0	Bảy	
10	21190109	Bùi Đức	Nghi		<i>bui</i>	☐		5	0	Năm	
11	21190114	Nguyễn Thành	Nhân		<i>nguyen</i>	☐		5	0	Năm	
12	21190115	Đào Lưu Trung	Nhật		<i>dao</i>	☐		3	5	Ba năm	
13	21190117	Huỳnh Nguyễn Đan	Nhi		<i>huynh</i>	☐		4	0	Bốn	
14	21190118	Lê Thị Yến	Nhi		<i>le</i>	☐		5	0	Năm	
15	21190119	Lê Võ Yến	Nhi		<i>le</i>	☐		7	5	Bảy năm	
16	21190120	Nguyễn Thanh	Nhi		<i>nguyen</i>	☐		5	5	Năm năm	
17	21190121	Trương Ngọc	Nhi		<i>truong</i>	☐		4	0	Bốn	
18	21190122	Ngô Thị Huỳnh	Như		<i>ngo</i>	☐		4	0	Bốn	
19	21190123	Trần Thị Hồng	Nhung		<i>tran</i>	☐		2	5	Hai năm	
20	21190124	Huỳnh Minh	Phát		<i>huynh</i>	☐		3	0	Ba	
21	21190125	Nguyễn Văn Tấn	Phát			☒					
22	21190127	Nguyễn Tuấn	Phong		<i>nguyen</i>	☐		9	5	Chín năm	
23	21190128	Châu Diệc	Phú		<i>chau</i>	☐		4	0	Bốn	
24	21190129	Nguyễn Thái	Phúc		<i>nguyen</i>	☐		2	5	Hai năm	
25	21190130	Trương Thị Mỹ	Phúc		<i>truong</i>	☐		8	5	Tám năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thị Ngọc... 2) Nguyễn Văn... Chữ ký: <i>Nguyen</i>	Họ, tên: Đoàn Thị Kim... Chữ ký: <i>Doan</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001736

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp**

Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V á n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21190131	Nguyễn Hoàng Minh	Phương			☐		8	5	Tám năm	
27	21190134	Trần Thiện	Quang			☐		5	0	Năm	
28	21190135	Trần Hoàng Minh	Quy			☐	1	0	0	Mười	
29	21190136	Trần Mỹ	Quy			☐		8	0	Tám	
30	21190138	Nguyễn Thành	Tài			☐		5	0	Năm	
31	21190140	Lê Thanh	Tam			☐		9	5	Chín năm	
32	21190141	Lê Mỹ	Tâm			☐		4	0	Bốn	
33	21190142	Đặng Duy	Thạch			☐		3	5	Ba năm	
34	21190143	Trần Đăng	Thái			☐		3	5	Ba năm	
35	21190144	Dương Huỳnh Chí	Thành			☐		2	0	Hai	
36	21190145	Lương Quốc	Thiện			☐		5	0	Năm	
37	21190146	Hồ Phong Hoàng	Thịnh			☐		4	5	Bốn năm	
38	21190147	Nguyễn Thị Kim	Thoa			☐		6	0	Sáu	
39	21190148	Hà Minh	Thông			☒					
40	21190149	Nguyễn Văn	Thuận			☐		6	0	Sáu	
41	21190150	Nguyễn Vũ Minh	Thủy			☐		4	5	Bốn năm	
42	21190151	Hồ Hoàng	Thy			☐		2	0	Hai	
43	21190155	Nguyễn Bảo	Trần			☐		5	5	Năm năm	
44	21190156	Đặng Minh	Trí			☐		5	5	Năm năm	
45	21190157	Nguyễn Nhật	Triều			☐		5	0	Năm	
46	21190159	Nguyễn Viết	Trung			☐		4	5	Bốn năm	
47	21190160	Phạm Nguyễn Tín	Trung			☐		3	0	Ba	
48	21190161	Nguyễn Thị Cẩm	Tú			☐		3	0	Ba	
49	21190162	Nguyễn Văn	Tuấn			☐		4	0	Bốn	
50	21190164	Phạm Thị Tường	Vân			☐		3	5	Ba năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Văn Thắng 2) Lê Thị Ngọc Trang	Họ, tên: Đâu Trần Anh Nguyễn Chữ ký: 	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001737

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp**

Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	21190165	Đào Quốc	Việt			☐		5	0	Năm	
52	21190166	Phan Nguyễn Tiến	Vũ			☐		2	5	Hai năm	
53						☐					
54						☐					
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	1)	1)
2)	2)	2)



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001316

Tên học phần: **Sinh học cơ sở**Mã học phần: **MSC10009**Lớp: **21KVL**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	1519019	Lê Hồng	Cường					4	4	Bốn phần bốn	
2	1719117	Nguyễn Thị Tuyết	Minh					3	0	Ba phần	
3	1719150	Trương Vĩ	Phong					2	4	Hai phần bốn	
4	1719222	Hà Ngọc	Trương					4	2	Bốn phần hai	
5	18190025	Trần Sử Đình	Bá					2	5	Hai phần năm	
6	18190166	Huỳnh Ngọc Anh	Thư					3	2	Ba phần hai	
7	18190201	Nguyễn Ngọc Trang	Vy					2	5	Hai phần năm	
8	19190042	Lê Đăng	Hiếu					3	4	Hai phần bốn	
9	19190072	Lê Hoàng	Minh					5	0	Năm phần	
10	19190115	Nguyễn Thanh	Thảo					2	1	Hai phần một	
11	19190126	Nguyễn Thị Việt	Trình					5	0	Năm phần	
12	19190136	Nguyễn Huỳnh	Vũ					3	0	Ba phần	
13	19190142	Trần Thị Thúy	Ái					4	0	Bốn phần	
14	19190152	Nguyễn Thành	Công					5	0	Năm phần	
15	19190210	Trương Thị Bảo	Ngọc					3	7	Ba phần bảy	
16	19190231	Hà Văn	Tài					2	4	Hai phần bốn	
17	19190234	Bùi Nguyễn Đức	Thắng					3	0	Ba phần	
18	19190238	Nguyễn Tân	Thịnh					2	8	Hai phần tám	
19	19190241	Trương Thương	Thương					5	0	Năm phần	
20	19190246	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm					5	0	Năm phần	
21	19190255	Nguyễn Anh	Tú					4	0	Bốn phần	
22	19190258	Nguyễn Đức Thanh	Tùng					2	3	Hai phần ba	
23	20190037	Lê Thu	Cầm					4	2	Bốn phần hai	
24	20190045	Nguyễn Huỳnh	Giang					3	5	Ba phần năm	
25	20190046	Nông Thụy Bằng	Giang					3	4	Ba phần bốn	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Lý Hoàng Nam</u>Chữ ký:	Họ, tên: <u>Trần Quang Minh</u>Chữ ký:	Họ, tên:Chữ ký:
2) <u>Lê Thị Thuận</u>Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001317

Tên học phần: **Sinh học cơ sở**Mã học phần: **MSC10009**Lớp: **21KVL**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20190055	Hoàng Lê Diễm	Huyền					2	7	Hai phẩy bảy	
27	20190056	Vũ Đức Hoàng	Khải								
28	20190061	Trần Quang Tuấn	Kiệt					3	0	Ba chẵn	
29	20190063	Đặng Thị Ai	Lê					2	3	Hai phẩy ba	
30	20190086	Lê Đức	Phúc					3	2	Ba phẩy hai	
31	20190115	Kha Khôi	Vĩ					2	9	Hai phẩy chín	
32	20190117	Nguyễn Đức	Vinh					3	2	Ba phẩy hai	
33	21190007	Đình Quang	Đức					3	5	Ba phẩy năm	
34	21190008	Nguyễn Việt	Dũng					2	7	Hai phẩy bảy	
35	21190018	Tạ Quang	Huy					2	8	Hai phẩy tám	
36	21190028	Cao Đăng	Nhân								
37	21190031	Trần Anh	Quang					4	5	Bốn phẩy năm	
38	21190038	Trần Đình	Tiến					2	3	Hai phẩy ba	
39	21190039	Huỳnh Minh	Tuấn					3	2	Ba phẩy hai	
40	21190043	Thạch Thị Sóc Sô	Phia					3	3	Ba phẩy ba	
41	21190044	Trần Nhật	Nam					2	9	Hai phẩy chín	
42	21190045	Hà Nguyễn Nhất	Tâm					7	4	Bảy phẩy bốn	
43	21190049	Phạm Thanh Hoàng	Anh					2	5	Hai phẩy năm	
44	21190050	Tạ Tuấn	Anh					5	1	Năm phẩy một	
45	21190051	Trần Thúy	Anh					5	0	Năm chẵn	
46	21190052	Võ Minh	Anh					2	0	Hai chẵn	
47	21190055	Võ Ngọc	Có					2	5	Hai phẩy năm	
48	21190056	Ngô Thị Ngân	Đài					4	5	Bốn phẩy năm	
49	21190057	Bùi Tấn	Đạt					5	0	Năm chẵn	
50	21190058	Nguyễn Tùng	Dương					2	2	Hai phẩy hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Văn Đức... Chữ ký:	Họ, tên: Trần Quang Minh... Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Lê Thị Thuần... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001318

Tên học phần: Sinh học cơ sở

Mã học phần: MSC10009

Lớp: 21KVL

Ngày thi: 06/05/2023

Giờ thi: 10g15

Phòng thi: E304

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
51	21190059	Huỳnh Khánh	Duy		Duy	☐		2	8	Hai phẩy tám	
52	21190060	Trần Anh	Duy			☐		2	7	Hai phẩy bảy	
53	21190061	Trần Nhật	Duy			☐		5	5	Năm phẩy năm	
54	21190062	Lâm Nữ Phi	Duyên			☐		3	5	Ba phẩy năm	
55	21190063	Lâm Thanh	Giàu			☐		3	2	Ba phẩy hai	
56	21190064	Trà Phạm Thanh	Hải			☐		3	0	Ba chẵn	
57	21190067	Lưu Văn	Hào			☐		2	4	Hai phẩy bốn	
58	21190068	Đặng Minh	Hiếu			☐					
59	21190070	Nguyễn Đức	Hiếu			☐					
60	21190071	Phạm Thanh	Hoa			☐		4	5	Bốn phẩy năm	
61	21190073	Nguyễn Công	Hưng			☐		3	0	Ba chẵn	
62	21190074	Hoàng Văn	Huy			☐		5	5	Năm phẩy năm	
63	21190075	Nguyễn Anh	Huy			☐		3	4	Ba phẩy bốn	
64	21190078	Nguyễn Quốc	Huy			☐		5	2	Năm phẩy hai	
65	21190080	Phạm Lê Nhật	Huy			☐		3	2	Ba phẩy hai	
66	21190081	Vũ Quốc	Huy			☐		3	3	Ba phẩy ba	
67	21190083	Lê Thị Khánh	Huyền			☐		2	8	Hai phẩy tám	
68	21190085	Hồ Lê Anh	Kha			☐		3	7	Ba phẩy bảy	
69	21190086	Trần Quang	Khánh			☐		4	1	Bốn phẩy một	
70	21190087	Trần Minh	Khôi			☐		3	5	Ba phẩy năm	
71	21190088	Lê Tấn	Khuong			☐		3	2	Ba phẩy hai	
72	21190091	Trần Tuấn	Kiệt			☐		2	6	Hai phẩy sáu	
73	21190092	Trần Văn	Lâm			☐		2	5	Hai phẩy năm	
74	21190093	Lê Văn	Lên			☐		2	5	Hai phẩy năm	
75	21190094	Lê Văn	Linh			☐		2	2	Hai phẩy hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Văn Đức. Chữ ký:	Họ, tên: Trần Quang Minh. Chữ ký:	Họ, tên:
2) Lê Hoàng Nam. Chữ ký:		Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232001319

Tên học phần: **Sinh học cơ sở**Mã học phần: **MSC10009**Lớp: **21KVL**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	21190096	Thành Nữ Thùy	Linh		Linh			2	7	Hai phần bảy	
2	21190098	Lê Tấn	Lộc		Lộc			2	8	Hai phần tám	
3	21190099	Lê Thị Ngọc	Ly		ngly			2	6	Hai phần sáu	
4	21190100	Nguyễn Trần Cẩm	Ly		ly			2	6	Hai phần sáu	
5	21190101	Hoàng Thụy Xuân	Mai		mai			3	6	Ba phần sáu	
6	21190102	Lê Hải	Minh		lehai			5	0	Năm phần	
7	21190103	Tổng Thị Nguyệt	Minh		minh			6	0	Sáu phần	
8	21190105	Đoàn Thị Kim	Ngân		ngan			5	7	Năm phần bảy	
9	21190107	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	Ngân		ngan			4	8	Bốn phần tám	
10	21190108	Thanh Thị Kim	Ngân		thanh			3	7	Ba phần bảy	
11	21190109	Bùi Đức	Nghi		duy			2	3	Hai phần ba	
12	21190114	Nguyễn Thành	Nhân		nhân			2	0	Hai phần	
13	21190115	Đào Lưu Trung	Nhật		dat			2	6	Hai phần sáu	
14	21190117	Huỳnh Nguyễn Đan	Nhi		dan			4	8	Bốn phần tám	
15	21190118	Lê Thị Yến	Nhi		lethi			3	3	Ba phần ba	
16	21190119	Lê Võ Yến	Nhi		levo			3	9	Ba phần chín	
17	21190120	Nguyễn Thanh	Nhi		thanh			3	3	Ba phần ba	
18	21190121	Trương Ngọc	Nhi		ngoc			3	3	Ba phần ba	
19	21190122	Ngô Thị Huỳnh	Như		ngohuynh			3	5	Ba phần năm	
20	21190123	Trần Thị Hồng	Nhung		tranthi			3	0	Ba phần	
21	21190124	Huỳnh Minh	Phát		huynh			2	6	Hai phần sáu	
22	21190125	Nguyễn Văn Tấn	Phát		phan			1	9	Một phần chín	
23	21190126	Nguyễn Tân Hoàng	Phi								
24	21190127	Nguyễn Tuấn	Phong		nguyentuan			3	7	Ba phần bảy	
25	21190128	Châu Diệc	Phú		chau			1	9	Một phần chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Trần Thanh Thảo Chữ ký: 2) Bùi Thị Hạnh	Họ, tên: Hà Văn Linh Chữ ký: [Chữ ký]	Họ, tên: [Chữ ký]



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001320

Tên học phần: **Sinh học cơ sở**

Mã học phần: **MSC10009**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21190129	Nguyễn Thái	Phúc					3	2	Ba phẩy hai	
27	21190130	Trương Thị Mỹ	Phúc					3	9	Ba phẩy chín	
28	21190131	Nguyễn Hoàng Minh	Phương					4	1	Bốn phẩy một	
29	21190134	Trần Thiện	Quang					3	2	Ba phẩy hai	
30	21190135	Trần Hoàng Minh	Quy					6	6	Sáu phẩy sáu	
31	21190136	Trần Mỹ	Quy					3	4	Ba phẩy bốn	
32	21190138	Nguyễn Thành	Tài					2	6	Hai phẩy sáu	
33	21190140	Lê Thanh	Tam					6	4	Sáu phẩy bốn	
34	21190141	Lê Mỹ	Tâm					2	5	Hai phẩy năm	
35	21190142	Đặng Duy	Thạch					3	7	Ba phẩy bảy	
36	21190143	Trần Đăng	Thái					2	1	Hai phẩy một	
37	21190144	Dương Huỳnh Chí	Thành					2	3	Hai phẩy ba	
38	21190145	Lương Quốc	Thiện					2	4	Hai phẩy bốn	
39	21190146	Hồ Phong Hoàng	Thịnh					2	8	Hai phẩy tám	
40	21190147	Nguyễn Thị Kim	Thoa					4	3	Bốn phẩy ba	
41	21190149	Nguyễn Văn	Thuận					2	7	Hai phẩy bảy	
42	21190150	Nguyễn Vũ Minh	Thúy					3	3	Ba phẩy ba	
43	21190151	Hồ Hoàng	Thy					2	2	Hai phẩy hai	
44	21190155	Nguyễn Bảo	Trần					3	5	Ba phẩy năm	
45	21190156	Đặng Minh	Trí					2	8	Hai phẩy tám	
46	21190157	Nguyễn Nhật	Triều					3	2	Ba phẩy hai	
47	21190159	Nguyễn Viết	Trung					2	5	Hai phẩy năm	
48	21190160	Phạm Nguyễn Tín	Trung					2	9	Hai phẩy chín	
49	21190161	Nguyễn Thị Cẩm	Tú					3	0	Ba chẵn	
50	21190162	Nguyễn Văn	Tuấn					2	6	Hai phẩy sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Bùi Thị An</u> 1).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Hà Văn Linh</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001321

Tên học phần: **Sinh học cơ sở**

Mã học phần: **MSC10009**

Lớp: **21KVL**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	21190164	Phạm Thị Tường	Vân								
52	21190165	Đào Quốc	Việt				2	2		Hai phẩy hai	
53	21190166	Phan Nguyễn Tiến	Vũ				2	1		Hai phẩy một	
54											
55											
56											
57											
58											
59											
60											
61											
62											
63											
64											
65											
66											
67											
68											
69											
70											
71											
72											
73											
74											
75											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	Chữ ký:	Chữ ký:
2)		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001183

Tên học phần: **Sinh học chuyên ngành**

Mã học phần: **MSC10302**

Lớp: **20YS**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	19190183	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh		<i>KW</i>	☐		2	9		
2	20190001	Trịnh Hoàng	Long		<i>Long</i>	☐		7	8		
3	20190023	Hồ Thị Mỹ	Tiên		<i>Thihs</i>	☐		4	4		
4	20190035	Võ Thị Kim	Anh		<i>Anh</i>	☐		4	8		
5	20190052	Lê Gia	Hung		<i>Hung</i>	☐		3	7		
6	20190073	Huỳnh Nguyễn Trung	Nghĩa		<i>HT</i>	☐		4	1		
7	20190074	Trần Thị Thảo	Nguyên		<i>Thao</i>	☐		7	0		
8	20190080	Trần Ngọc Bảo	Ny		<i>Thao</i>	☐		5	6		
9	20190081	Nguyễn Văn	Pháp		<i>Pháp</i>	☐		5	5		
10	20190100	An Thị Thanh	Thanh		<i>Thanh</i>	☐		3	0		
11	20190109	Võ Bích	Trân		<i>Bich</i>	☐		4	1		
12	20190111	Võ Thị	Trình		<i>Thao</i>	☐		4	8		
13						☐					
14						☐					
15						☐					
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Bùi Văn Ngọc</i> 1) <i>Bùi Văn Ngọc</i> Chữ ký: <i>BVN</i> 2) <i>Ngô Văn Đức</i> Chữ ký: <i>Ngô Văn Đức</i>	Họ, tên: <i>Hoàng Văn Linh</i> Chữ ký: <i>Hoàng Văn Linh</i>	Họ, tên: _____ Chữ ký: _____



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001402

Giữa kỳ

Tên học phần: **Vật liệu y sinh chức năng**Mã học phần: **MSC10304**Lớp: **20YS**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	20190001	Trịnh Hoàng	Long			☐		7	3	Bảy phẩy ba	
2	20190023	Hồ Thị Mỹ	Tiên			☐		6	3	Sáu phẩy ba	
3	20190035	Võ Thị Kim	Anh			☐		5	8	Năm phẩy tám	
4	20190052	Lê Gia	Hưng			☐		3	8	Ba phẩy tám	
5	20190073	Huỳnh Nguyễn Trung	Nghĩa			☐		1	5	Một phẩy năm	Một điểm rưỡi
6	20190074	Trần Thị Thảo	Nguyên			☐		6	3	Sáu phẩy ba	
7	20190080	Trần Ngọc Bảo	Ny			☐		9	8	Chín phẩy tám	
8	20190081	Nguyễn Văn	Pháp			☐		3	0	Ba điểm	
9	20190100	An Thị Thanh	Thanh			☐		2	0	Hai điểm	
10	20190109	Võ Bích	Trân			☐		4	3	Bốn phẩy ba	
11	20190111	Võ Thị	Trình			☐		5	5	Năm điểm rưỡi	
12						☐					
13						☐					
14						☐					
15						☐					
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Văn Đức</u> 1).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Hà Văn Linh</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001401

Tên học phần: **Vật liệu y sinh chức năng**Mã học phần: **MSC10304**Lớp: **20CYS**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	20250020	Lê Hồng	Thọ			☐	1	0	0	Mười	
2	20250021	Nguyễn Đăng	Tiến			☐		3	3	Bảy phẩy ba	Bảy phẩy ba
3	20250026	Trần Quốc	Đạt			☐		5	3	Năm phẩy ba	
4	20250029	Phạm Quốc Thái	Hiên			☐		3	3	Ba phẩy ba	
5	20250034	Lê Gia	Huy			☐		5	3	Năm phẩy ba	
6	20250041	Nguyễn Hoài	Nam			☐	4	0		Bốn điểm	Bốn điểm
7	20250045	Phùng Thị Huỳnh	Như			☐		3	0	Ba điểm	
8	20250046	Trịnh Ngọc Phương	Như			☐		3	0	Ba điểm	
9	20250053	Lương Thị Mỹ	Thi			☐		7	3	Bảy phẩy ba	
10	20250062	Nguyễn Thị Diễm	Xuân			☐		4	3	Bốn phẩy ba	
11						☐					
12						☐					
13						☐					
14						☐					
15						☐					
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Văn Đức</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Hà Văn Linh</u>	Họ, tên:
2) <u>Lê Văn An</u> Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001184

Tên học phần: **Sinh học tế bào và phân tử**

Mã học phần: **MST10113**

Lớp: **20CYS**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	20250020	Lê Hồng	Thọ		<i>Thọ</i>	☐	7	8			
2	20250021	Nguyễn Đăng	Tiến		<i>ĐKS</i>	☐	2	6			
3	20250026	Trần Quốc	Đạt		<i>Dat</i>	☐	6	0			
4	20250029	Phạm Quốc Thái	Hiên		<i>hieu</i>	☐	3	7			
5	20250034	Lê Gia	Huy		<i>Huy</i>	☐	5	2			
6	20250041	Nguyễn Hoài	Nam		<i>Nam</i>	☐	2	6			
7	20250045	Phùng Thị Huỳnh	Như		<i>Anh</i>	☐	2	2			
8	20250046	Trịnh Ngọc Phương	Như		<i>Phu</i>	☐	2	6			
9	20250053	Lương Thị Mỹ	Thi		<i>My</i>	☐	4	1			
10	20250062	Nguyễn Thị Diễm	Xuân		<i>Xu</i>	☐	4	1			
11						☐					
12						☐					
13						☐					
14						☐					
15						☐					
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Đào Văn Ngọc</i> 1) <i>Đào Văn Ngọc</i> Chữ ký: <i>ĐVN</i> 2) <i>Nguyễn Văn Đức</i> Chữ ký: <i>NVD</i>	Họ, tên: <i>Hà Văn Linh</i> Chữ ký: <i>HVL</i>	Họ, tên: _____ Chữ ký: _____